

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2020

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rê;
2. Ông Nguyễn Tăng Gô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Bá T - Sinh năm 1971 - Địa chỉ: Ấp 4, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị P - Sinh năm 1972 - Địa chỉ: Ấp 4, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 01-10-2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Bá T trình bày: Ông và bà P cưới nhau năm 1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTB ngày 08-01-1996; Chung sống đến tháng 01/2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; Ông và bà P đã ly thân từ tháng 3/2019 đến nay.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị P;

Về nuôi con chung: Ông và bà P có 02 con chung tên Nguyễn TĐ, sinh ngày 18-02-1997 và Nguyễn Minh M, sinh ngày 10-02-2002, con chung đang sống với ông. Hai con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về chia tài sản chung: Đề tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 29-10-2020, các văn bản tiếp theo và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29-10-2020, bị đơn bà Phạm Thị P trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Bá T về ngày tháng và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, về con chung, việc tự thỏa thuận tài sản chung và việc không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Bá T.

Về nuôi con chung: Bà thống nhất 02 con chung đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 02-11-2020, bà P trình bày: về hôn nhân bà không đồng ý ly hôn với ông T; Về tài sản chung và nợ chung chưa đạt thỏa thuận thống nhất về các quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản chung như quyền sử dụng 20.911m² đất, 700 triệu tiền tiết kiệm tại ngân hàng và 01 xe mô tô, bà yêu cầu phân chia tài sản chung theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà P đồng ý ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vụ việc được hòa giải đoàn tụ tại Tòa án nhưng không thành, cả hai đương sự thuận tình ly hôn ngày 29-10-2020; Ngày 02-11-2020 bà P có bản trình bày ý kiến xin thay đổi nội dung đã thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Bá T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Phạm Thị P, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện; Các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án;

[3] Xét về hôn nhân:

[3.1] Ông T và bà P chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTB, huyện H, tỉnh Long An ngày 08-01-1996. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà P là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét việc thuận tình ly hôn ông T và bà P tại phiên tòa: Ông T và bà P không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông bà là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, xét ông T và bà P xảy ra mâu thuẫn từ tháng 01/2019,

ly thân từ tháng 3/2019, hiện vẫn sống ly thân, mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa ông T và bà P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông T và bà P thuận tình ly hôn tại phiên tòa là tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với nội dung tại Biên bản hòa giải và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29-10-2020, phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[4] Xét về nuôi con chung: Trước khi mở phiên tòa, ông T và bà P đã thỏa thuận: Ông và bà P có 02 con chung tên Nguyễn TĐ, sinh ngày 18-02-1997 và Nguyễn Minh M, sinh ngày 10-02-2002; Hai con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Thỏa thuận trước khi mở phiên tòa về người trực tiếp nuôi con chung của đương sự là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên công nhận.

[5] Xét về chia tài sản chung:

Ông T trình bày tài sản chung để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập giải quyết trong vụ án này là phù hợp Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Xét việc bà P trình bày và yêu cầu chia tài sản chung: Trong thời gian Tòa án thông báo thụ lý, đến khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà P không có ý kiến, yêu cầu giải quyết về tài sản chung; Kết quả Tòa án đã lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Việc sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà P có bản trình bày ý kiến có nội dung thay đổi nội dung thỏa thuận tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành để yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là không có căn cứ giải quyết trong vụ án này. Nếu xảy ra tranh chấp, không thỏa thuận được việc chia tài sản chung, ông T và bà P được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình..

[6] Xét về chia nợ chung: Ông T và bà P trình bày không có, không đề cập giải quyết; Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân gia đình.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, Ông T đã nộp đủ án phí; Bà P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự: Ông Nguyễn Bá T và bà Phạm Thị P thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của đương sự: Hai con chung tên Nguyễn TĐ, sinh ngày 18-02-1997 và Nguyễn Minh M, sinh ngày 10-02-2002 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về chia nợ chung: Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Bá T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008792 ngày 13-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, ông T đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12-11-2020).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MTB (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương